

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HSST.

Ngày: 22/3/2018.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Rỹ

Bà Nguyễn Thanh Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hải, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2018/HSST ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/QĐXX-HS ngày 23/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/HSST-QĐ ngày 09/3/2018, đối với bị cáo:

Lý Khải D; Sinh năm 1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Hộ khẩu thường trú: 389B S, Phường W, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (Học vấn: 6/12); Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý Thế Đ (chết) và bà Phan Thị H (Sinh năm: 1956); Vợ: Không có; Có: 03 con; Tiền sự: Không;

Tiền án:

- Ngày 15/01/2008 bị Công an Quận 6 bắt về tội “Cướp giật tài sản”. Ngày 24/7/2008 Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt 03 năm 06 tháng tù giam. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/9/2010. (Bản án số 113/2008/HSST ngày 24/7/2008).

- Ngày 21/01/2011 bị Công an Quận 6 bắt về tội “Cướp giật tài sản”. Ngày 27/7/2011 Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt 04 năm 06 tháng tù giam. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2015. (Bản án số 104/2011/HSST ngày 27/7/2011).

Nhân thân:

- Ngày 18/3/2002 bị Công an Quận 5 bắt về tội “Cướp giật tài sản”. Ngày 12/9/2002 Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam, đã chấp

hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2004 và thi hành án phí hình sự sơ thẩm ngày 14/3/2005.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/10/2015 cho đến nay (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Từ Chí T, sinh năm: 1968; Hộ khẩu thường trú: 31L/21A N, Phường Q, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Lệ M, sinh năm: 1975; Hộ khẩu thường trú: 48 V, Phường E, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm: 1988; cư trú tại: 2/19 B, Phường R, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Ngọc N, sinh năm: 1997; cư trú tại: 39 L, Phường P, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1994; cư trú tại: 34A B, Phường R, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

4. Chị Huỳnh Mỹ H, sinh năm: 1994; cư trú tại: 633/28/39 H, Phường W, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

5. Chị Lê Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1996; cư trú tại: 184/17/55 B, Phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, vào lúc 10 giờ ngày 01/10/2015, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an Quận 8 phối hợp cùng Công an Phường 16, Quận 8 kiểm tra hành chính Phòng 201 Nhà nghỉ TT (số 15 P, Phường Q, Quận A) phát hiện thu giữ trên giường 01 gói nylon bên trong có 04 gói nylon chứa ma túy tổng hợp và 01 hộp nhựa bên trong có 01 gói nylon chứa ma túy tổng hợp của Lý Khải D, tạm giữ của D 01 cân tiểu ly hiệu Amput, 02 điện thoại di động, 01 ống thủy tinh và xe gắn máy biển số 59L1-570.46. Tại thời điểm kiểm tra, trong phòng có Lý Khải D, Trần Thị Mỹ H, Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Thị Ngọc H, Huỳnh Mỹ H và Lê Nguyễn Thanh T nên Công an Quận 8 đưa D cùng vật chứng về trụ sở Công an Phường 16, Quận 8 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đồng thời mời H, N, H, H, T về trụ sở làm việc. Sau đó, toàn bộ vụ việc được chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 để điều tra làm rõ.

Theo bản Kết luận giám định số 1751/KLGD-H ngày 12/10/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP. Hồ Chí Minh, kết luận: “02 gói được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Lý Khải D và hình dấu Công an Phường 16, Quận 8 gửi đến giám định bên trong có:

- Gói 1: Tinh thể không màu trong 04 gói nylon (để trong 01 gói nylon) có trọng lượng 5,1382g (năm phẩy một ba tám hai gram) có Methamphetamine (MA).

- Gói 2: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon (để trong 01 hộp nhựa) có trọng lượng 0,3249g (không phẩy ba hai bốn chín gram) có Methamphetamine (MA).

Ngày 23/01/2017 Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 31/PC54-Đ6 giải thích từ ngữ trong kết luận giám định ma túy số 1751/KLGD-H ngày 12/10/2015 như sau:

02 gói được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Lý Khải D và hình dấu Công an Phường 16, Quận 8 gửi đến giám định bên trong có:

- Gói 1: Tinh thể không màu trong 04 gói nylon (để trong 01 gói nylon) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 5,1382g, loại Methamphetamine.

- Gói 2: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon (để trong 01 hộp nhựa) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3249g, loại Methamphetamine.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Lý Khải D khai nhận: Do nghiện ma túy và cần tiền tiêu xài, D mua ma túy tổng hợp của nhiều người đem về bán lại để thu lợi được khoảng 01 tháng. Khoảng 17 giờ ngày 30/9/2015, D đến tiệm game ở đường B, quận T (không rõ địa chỉ) gặp và nhờ bạn tên “C” (không rõ lai lịch) mua ma túy tổng hợp với giá 4.000.000 đồng, “C” đồng ý và điện thoại cho người bán ma túy tên “D” (không rõ lai lịch) đem 05 gói ma túy tổng hợp đến bán cho D. Đến khoảng 08 giờ ngày 01/10/2015, D cùng bạn gái là Nguyễn Ngọc N đến Phòng 201 Nhà nghỉ TT số 15 P, Phường Q, Quận A do bạn D tên “Cậu B” (không rõ lai lịch) thuê ở, khi đi D mang theo 05 gói ma túy tổng hợp để bán lại 04 gói với giá 1.000.000 đồng/gói, còn 01 gói để sử dụng. Lúc này, “Cậu B” không có ở trong phòng, khoảng 09 giờ cùng ngày, D rủ bạn nghiện là Trần Thị Mỹ H đến phòng 201 cùng sử dụng ma túy và H rủ thêm Lê Nguyễn Thanh T, Huỳnh Mỹ H. Tại đây, D lấy ra một ít ma túy tổng hợp trong 01 gói nylon để trong hộp nhựa bỏ vào ống thủy tinh cùng N, H, T sử dụng. Sau đó, T rủ thêm bạn là Nguyễn Thị Ngọc H và bạn trai của H tên “T” (không rõ lai lịch) đến cùng sử dụng ma túy chung. Khi D và các đối tượng sử dụng hết số ma túy trong ống thủy tinh thì Công an quận 8 đến kiểm tra thu giữ vật chứng như đã nêu trên. Riêng “T” lợi dụng sơ hở bỏ chạy thoát. Lời khai của Lý Khải D phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án:

- 02 gói niêm phong ghi ký hiệu 1751/15 bên ngoài có chữ ký ghi tên Lý Khải D, hình dấu Công an Phường 16, Quận 8 và chữ ký giám định viên Phan Hoàng T.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen số Imei1: 355521/05/913738/6; Imei2: 355521/05/913739/4 gắn sim liên lạc số 0937.562.462.

- 01 điện thoại di động màu đen trắng không ghi nhãn hiệu, không gắn sim liên lạc có số Imei1: 862892000115276, số Imei2: 862892000115284.

- 01 cân tiểu ly hiệu Amput.

- 01 xe gắn máy hiệu Attila màu bạc gắn biển số 59L1-570.46, số khung: RLGH125ED4D458733, số máy: VMEM9B458733. Qua điều tra xác minh xe trên do

ông Từ Chí T đứng tên đăng ký. Hiện ông T đã bán nhà đi đâu không rõ. Theo Lý Khải D khai xe trên là của T thế chấp cho D để mượn 800.000 đồng, D sử dụng xe làm phương tiện đi mua bán ma túy. Ngày 28/11/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 có công văn gửi báo Công an TP. Hồ Chí Minh và báo Thanh Niên đăng báo tìm chủ sở hữu. Hiện xe đang tạm giữ tại kho vật chứng Công an quận 8.

- 01 ống thủy tinh.

Tại bản Cáo trạng số 98/CT-VKS ngày 09/02/2017 Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lý Khải D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Mặc dù tại cơ quan điều tra bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, tại phiên tòa, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng theo lời khai tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người làm chứng Nguyễn Ngọc N, Trần Thị Mỹ H, Lê Nguyễn Thanh T, Huỳnh Mỹ H xác định ngày 01/10/2015 bị cáo là người mang ma túy đến Phòng 201 Nhà nghỉ TT để sử dụng cùng Nguyễn Ngọc N, Trần Thị Mỹ H, Lê Nguyễn Thanh T, Huỳnh Mỹ H. Những người làm chứng đều khẳng định số ma túy thu giữ tại Phòng 201 Nhà nghỉ TT là của bị cáo, bị cáo mang đến để sử dụng và bán. Khi bị bắt quả tang, bị cáo cũng khai ma túy của bị cáo... Như vậy đã đủ căn cứ truy tố bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lý Khải D về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo đã tái phạm, nay phạm tội mới nên đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm nguy hiểm quy định tại Điểm p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án từ 10 đến 11 năm tù. Áp dụng khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) phạt bị cáo số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: số ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy đề nghị tịch thu tiêu hủy. Chiếc xe Attila 59L1-570.46 đề nghị tiếp tục đăng trên phương tiện thông tin đại chúng tìm chủ sở hữu, nếu không tìm được đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước. 02 chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo, xét không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội và cho rằng bị truy tố và xét xử oan, nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ như Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 01/10/2015; biên bản thu giữ vật chứng ngày 01/10/2015; Biên bản kiểm tra phòng 201 nhà nghỉ TT; Bản tự khai của bị cáo; Biên

bản ghi lời khai bị cáo Lý Khải D hồi 14 giờ 00, ngày 01/10/2015 và lúc 15 giờ 00 ngày 01/10/2015; Biên bản hỏi cung bị can Lý Khải D hồi 08 giờ 00 ngày 24/12/2015 và ngày 15/10/2015; Biên bản ghi lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngày 28/10/2015; Bản tự khai của người làm chứng Nguyễn Ngọc N ngày 01/10/2015; của Trần Thị Mỹ H ngày 01/10/2015 và ngày 03/01/2018; của Lê Nguyễn Thanh T ngày 01/10/2015 và ngày 28/01/2018; của Huỳnh Mỹ H ngày 03/01/2018; Biên bản ghi lời khai của Nguyễn Ngọc N ngày 01/10/2015; của Trần Thị Mỹ H ngày 01/10/2015 và ngày 03/01/2018, của Lê Nguyễn Thanh T ngày 01/10/2015 và ngày 28/01/2018; đều có nội dung khẳng định ma túy thu giữ tại Phòng 201 Nhà nghỉ TT, số 15 P, Phường Q, Quận A vào lúc 10 giờ 15 phút ngày 01/10/2015 là của bị cáo D. Trước đó bị cáo bỏ 4.000.000 đồng mua ma túy rồi cùng Nguyễn Ngọc N đến Phòng 201 Nhà nghỉ TT sử dụng. Tại Phòng 201, ngoài bị cáo và N, còn có Trần Thị Mỹ H, Lê Nguyễn Thanh T, Huỳnh Mỹ H, Nguyễn Thị Ngọc H và bạn trai H là “T” cùng tham gia sử dụng ma túy. N, H T, H không có mâu thuẫn gì với bị cáo, nhưng đều có lời khai khẳng định ma túy thu giữ ngày 01/10/2015 tại phòng 201 nhà nghỉ TT là của bị cáo D. Quá trình điều tra, các tài liệu chứng cứ đều được thu thập theo đúng trình tự thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, bị cáo xác định tự viết và ký vào Bản tự khai; các Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung đều do bị cáo đọc và ký tên.

Do đó Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định số ma túy thu giữ tại Phòng 201 Nhà nghỉ TT vào ngày 01/10/2015 là của bị cáo.

Theo bản Kết luận giám định số 1751/KLGD-H ngày 12/10/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP. Hồ Chí Minh và Công văn số 31/PC54-Đ6 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh giải thích từ ngữ trong kết luận giám định ma túy số 1751/KLGD-H ngày 12/10/2015:

02 gói được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Lý Khải D và hình dấu Công an Phường 16, Quận 8 gửi đến giám định bên trong có:

- Gói 1: Tinh thể không màu trong 04 gói nylon (để trong 01 gói nylon) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 5,1382g, loại Methamphetamine.

- Gói 2: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon (để trong 01 hộp nhựa) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3249g, loại Methamphetamine.

Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 truy tố đối với bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa, bị cáo không thừa nhận số ma túy thu giữ tại phòng 201 mục đích để bán, những người cùng sử dụng ma túy với bị cáo cũng chỉ nghe bị cáo khai số ma túy thu giữ bị cáo dùng để bán. Do đó ngoài lời khai của bị cáo, không có chứng cứ nào khác chứng minh số ma túy thu giữ của bị cáo dùng để bán. Do không chứng minh được bị cáo tàng trữ ma túy nhằm mục đích bán kiếm lời, nên không có căn cứ xác định bị cáo phạm tội mua bán trái phép chất ma túy như cáo trạng truy tố. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) (Nay là Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)). Do tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là tội nhẹ hơn tội Mua bán trái phép chất ma túy mà Viện kiểm sát đã truy tố nên theo quy định tại

khoản 2 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Tòa án vẫn xét xử vụ án mà không trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018, nên theo hướng dẫn tại Điểm b, c Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự 2015 và Điểm b, c Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 thì Hội đồng xét xử áp dụng Điểm o Khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử bị cáo. Mặc dù khối lượng Methamphetamine bị cáo tàng trữ từ 05gam đến dưới 30 gam là thuộc vào tình tiết định khung tăng nặng quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nhưng theo hướng dẫn của Nghị quyết đây là tình tiết tăng nặng mới nên không áp dụng đối với những hành vi phạm tội trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 24/7/2008 bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt 03 năm 06 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/9/2010. Ngày 21/01/2011 phạm tội Cướp giật tài sản. Ngày 27/7/2011 bị Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt 04 năm 06 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2015. Ngày 01/10/2015 bị cáo phạm tội mới, như vậy lần phạm tội này được xác định là tái phạm nguy hiểm, là tình tiết định khung tăng nặng quy định tại Điểm o Khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, tại phiên tòa, bị cáo không thừa nhận hành vi của mình, mặc dù hành vi bị cáo thực thi phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng...”, do bị cáo tàng trữ ma túy không nhằm mục đích thu lợi bất chính; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có việc làm, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án, Cơ quan công an thu giữ ma túy trong 02 gói niêm phong ghi ký hiệu 1751/15 bên ngoài có chữ ký ghi tên Lý Khải D, hình dấu Công an Phường 16, Quận 8 và chữ ký giám định viên Phan Hoàng T; 01 cân tiểu ly hiệu Amput; 01 ống thủy tinh, xét đây là những vật cấm lưu hành và vật không có giá trị sử dụng, căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen số Imei1: 355521/05/913738/6; Imei2: 355521/05/913739/4 gắn sim liên lạc số 0937.562.462 và 01 điện thoại di động màu đen trắng không ghi nhãn hiệu, không gắn sim liên lạc có số Imei: 862892000115276, số

Imei2: 862892000115284, xét không liên quan đến hành vi phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại bị cáo.

- 01 xe gắn máy hiệu Attila màu bạc gắn biển số 59L1-570.46, số khung: RLGH125ED4D458733, số máy: VMEM9B458733. Qua điều tra xác minh xe trên do ông Từ Chí T đứng tên đăng ký. Hiện ông T đã bán nhà đi đâu không rõ. Theo Lý Khải D khai xe trên là của T thế chấp cho D để mượn 800.000 đồng, D sử dụng xe làm phương tiện đi mua bán ma túy. Ngày 28/11/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 có công văn gửi báo Công an TP. Hồ Chí Minh và báo Thanh Niên đăng báo tìm chủ sở hữu. Hiện xe đang tạm giữ tại kho vật chứng Công an quận 8. Xét cần tiếp tục tạm giữ và đăng trên phương tiện thông tin đại chúng tìm chủ sở hữu chiếc xe trên trong thời hạn 01 năm, nếu không tìm được tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với Trần Thị Mỹ H, Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Thị Ngọc H, Huỳnh Mỹ H và Lê Nguyễn Thanh T qua điều tra xác định không biết D bán trái phép chất ma túy nhưng có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” nên ngày 05/10/2015 Công an phường 16, quận 8 quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người 750.000 đồng.

Đối với Nguyễn Thị Lê M là người quản lý nhà nghỉ TT, do để người khác sử dụng ma túy trong khu vực quản lý nên ngày 25/01/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 8 ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 7.500.000 đồng.

Đối với tên “C”, “D”, “Cậu B”, “T” do không xác định được lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận 8 không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điểm o, Khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lý Khải D 09 (Chín) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 01/10/2015.

- Căn cứ vào Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- Số ma túy trong 02 gói niêm phong ghi ký hiệu 1751/15 bên ngoài có chữ ký ghi tên Lý Khải D, hình dấu Công an Phường 16, Quận 8 và chữ ký giám định viên Phan Hoàng T; 01 cân tiểu ly hiệu Amput; 01 ống thủy tinh.

Trả lại bị cáo D:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen số Imei1: 355521/05/913738/6; Imei2: 355521/05/913739/4 gắn sim liên lạc số 0937.562.462 và 01 điện thoại di động màu đen trắng không ghi nhãn hiệu, không gắn sim liên lạc có số Imei1: 862892000115276, số Imei2: 862892000115284.

- Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tiếp tục đăng trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 năm để tìm chủ sở hữu 01 xe gắn máy hiệu Attila màu bạc gắn biển số 59L1-570.46, số khung: RLGH125ED4D458733, số máy: VMEM9B458733, nếu không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

(Tất cả theo Phiếu nhập kho vật chứng số 39/PNK ngày 08/01/2016 của Công an Quận 8).

- Căn cứ vào Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lý Khải D nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TA ND TP.HCM;
- VKS ND TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKS ND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Công an Quận 8;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh